TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HÀ N** Số 201/2021/HS-ST Ngày 30/11/2021	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT M** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT M

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dung;

Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiện Phúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà N tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Thu Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà N xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 175/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa ra xét xử số 200/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Ngọc D**, sinh năm 1995; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn F, xã T, huyện K, thành phố Hà N; quốc tịch: Việt M; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: M; trình độ học vấn: 7/12; nghề Vệp: Lao động tự do; họ tên cha: Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1969; họ tên mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1969; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/08/2021 đến ngày 10/08/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an huyện K, có mặt tại phiên tòa.

2. **Trịnh Ngọc S**, sinh năm 1995; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn R, xã T, huyện K, thành phố Hà N; quốc tịch: Việt M; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: M; trình độ học vấn: 10/12; nghề Vệp: Lao động tự do; họ tên cha: Trịnh Ngọc Quyết, sinh năm 1962; họ tên mẹ: Bùi Thị K, sinh

năm 1962; gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 07/08/2021 đến ngày 10/08/2021 chuyển tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ, Công an huyện K, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Vương Tiến N, sinh năm 1953; đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường U, thị xã D Tây, thành phố Hà N; nơi cư trú: Khu B10-4, Vin, Hà N, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Minh M, sinh năm 1972; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ 5 (trước đây là tổ 6), phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà N, vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Huy V (tên gọi khác là Tiện), sinh năm 1963; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn F, xã T, huyện K, thành phố Hà N, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Bùi Văn Thoảng (tên gọi khác là Thủy), sinh năm 1969; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn G, xã Kim D, huyện K, thành phố Hà N, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Trịnh Ngọc Quyết, sinh năm 1962; đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn R, xã T, huyện K, thành phố Hà N, có mặt tại phiên tòa.

N DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, N dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/4/2021, anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Nhân Mỹ, xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa khai báo về việc: Ngày 07/4/2021, tại nhà văn hóa thôn F, T, K bị mất trộm 01 chiếc máy đầm cóc nhãn hiệu Makita, màu xám đen, tay cầm bằng kim loại. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Ngọc D và Trịnh Ngọc S đã thực hiện hành vi trộm cắp trên.

Ngày 07/8/2021, Cơ quan điều tra đã ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Ngọc D; trú tại: Thôn F, T, K, Hà N nhưng gia đình không có ai ở nhà nên không thi hành được.

Ngày 07/8/2021, Cơ quan điều tra đã ra lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trịnh Ngọc S; trú tại: Thôn R, T, K, Hà N nhưng không thu giữ đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Ngày 07/8/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K thu giữ của Nguyễn Ngọc D: 01 chiếc xe máy Honda Wave Alpha, BKS: 29N1-590.46, màu cam, số khung: 336408, số máy: 7336486 và 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu Honda màu đỏ đen, phần lưỡi cắt bị gãy, đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Ngọc D và Trịnh Ngọc S khai nhận: Do D và S không có nghề Vệp, không có thu nhập nên D rủ S đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân và sử dụng ma túy. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 07/4/2021, D điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu cam, BKS: 29N1-590.46 chở S đi qua khu vực Nhà văn hóa thôn F, T phát hiện thấy 01 chiếc máy đầm cóc để ở khu vực sân nhà văn hóa, không có người trông giữ nên D rủ S trộm cắp chiếc máy đầm cóc trên, S đồng ý. D và S đi vào trong sân nhà văn hóa, cùng nhau bê chiếc máy đầm cóc đặt lên yên xe máy, sau đó D điều khiển xe máy chở S ngồi sau giữ chiếc máy đầm cóc mang đến cất giấu tại nhà của bà Trần Thị Diệp, sinh năm 1937; trú tại: F, T, K, Hà N là bà N của D. Sau đó, S đăng thông tin lên mạng xã hội để bán. Đến ngày 09/04/2021, D và S đã bán chiếc máy đầm cóc trên cho một người không quen biết được số tiền 1.800.000 đồng. D và S chia nhau mỗi người 900.000 đồng và tiêu sài cá nhân hết.

Qua điều tra, đấu tranh với D và S khai nhận ngoài vụ việc trên còn thực hiện các vụ trộm khác như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 31/07/2021, D điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu cam, BKS: 29N1-590.46 đi từ nhà tại thôn F, T đến nhà Trịnh Ngọc S tại thôn R, T rủ S đi trộm cắp tài sản, S đồng ý. Đến khoảng 8 giờ D điều khiển xe máy chở S khu vực nhà kho tại trang trại của anh Vương Tiến N, sinh năm 1953; trú tại: U, thị xã D Tây, Hà N thì phát hiện 01 chiếc máy phay đất để ngay cửa nhà kho. D dừng xe trước cửa nhà kho còn S xuống bê chiếc máy phay đất đặt lên xe máy, sau đó đem cất giấu tại bụi chuối khu vực sườn đê thôn F. D mang chiếc máy phay đất sang nhà ông Nguyễn Huy V (tên gọi khác: Tiện), sinh năm 1963; trú tại: F, T, K, Hà N nhờ anh V bán. Anh V đã bán chiếc máy phay đất cho anh Bùi Văn Thoảng (tên gọi khác: Thủy), sinh năm 1969; trú tại: Thôn Giao Tự, Kim D, K, Hà N được 2.100.000 đồng. Số tiền bán được máy phay đất trên, D và S chia nhau mỗi người 1.000.000 đồng, còn 100.000 đồng dùng để mua xăng xe máy và nước uống. Toàn bộ số tiền trộm

cắp được, D và S đã góp tiền cùng nhau mua ma túy sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 06/08/2021, D tiếp tục rủ S đi trộm cắp tài sản, S đồng ý. D điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu cam, BKS: 29N1-590.46 chở S đến khu vực để thuộc F, T, K phát hiện trong nhà kho của anh Nguyễn Minh M, sinh năm 1972; trú tại: Tổ 6, Cự Khối, Long Biên, Hà N có 01 chiếc máy cắt cỏ, S đi xuống bê chiếc máy cắt cỏ lên xe còn D điều khiển xe máy chở S đến cất giấu tại nhà của bà Trần Thị Diệp.

Đến ngày 07/08/2021, Nguyễn Ngọc D và Trịnh Ngọc S đến Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 99/KL-HĐĐGTS ngày 24/05/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: *01 máy đầm cóc nhãn hiệu Makita, có tay cầm và phần thân máy màu xám bạc, phần cổ máy màu vàng, đã qua sử dụng có giá trị: 18.000.000 đồng*.

Tại Kết luận định giá tài sản số 157/KL-HĐĐGTS ngày 26/08/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: *01 máy phay đất loại máy cầm tay, nhãn hiệu MITSUBISHI MM25, màu trắng đỏ đen, đã qua sử dụng có giá trị: 5.000.000 đồng; 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu Honda GX31, màu đỏ đen, phần lưỡi cắt bị gãy, đã qua sử dụng, có giá trị: 2.100.000 đồng*.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave Alpha, BKS: 29N1-590.46, màu cam, số khung: 336408, số máy: 7336486 thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc D là xe của anh Nguyễn Ngọc Dũng, sinh năm 1969 và chị Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1969 là bố mẹ đẻ của bị cáo D. Việc D sử dụng xe máy đi trộm cắp tài sản, anh Dũng, chị Hằng không biết. Ngày 01/10/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã quyết định xử lý vật chứng trả chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, BKS 29N1-590.46 màu cam cho chị Nguyễn Thị Hằng.

Ngày 01/10/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã quyết định xử lý vật chứng trả chiếc máy phay đất cho anh Vương Tiến N và chiếc máy cắt cỏ cho anh Nguyễn Minh M. Anh N và anh M đã nhận lại tài sản và không yêu cầu đề nghị gì về bồi thường dân sự.

Đối với anh Nguyễn Huy V là người bán hộ D và S chiếc máy phay đất cho anh Bùi Văn Thoảng; anh V và anh Thoảng không biết tài sản trên do D và S trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối bà Trần Thị Diệp không biết D và S cất giấu chiếc máy đầm cóc trong nhà nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn C yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 18.000.000 đồng. Anh Bùi Văn Thoảng ban đầu yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 2.100.000 đồng nhưng sau đó rút yêu cầu và không đề nghị Tòa án buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền 2.100.000 đồng.

Ông Trịnh Ngọc Quyết, sinh năm 1962; trú tại: R, T, K, Hà N là bố của bị cáo Trịnh Ngọc S đã tự nguyện nộp số tiền 10.050.000 đồng vào Cơ quan thi hành án để thay bị cáo S bồi thường, khắc phục thiệt hại cho các bị hại.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, Nguyễn Ngọc D và Trịnh Ngọc S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 178/CT-VKSGL ngày 19 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc D và Trịnh Ngọc S về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho anh C số tiền 18.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Ngọc Quyết trình bầy: Ông tự nguyện nộp số tiền 10.050.000 đồng vào Cơ quan thi hành án để thay bị cáo S bồi thường, khắc phục thiệt hại cho bị hại. Trường hợp số tiền ông đã nộp vào lớn hơn phần nghĩa vụ mà bị cáo S phải bồi thường cho bị hại thì ông tự nguyện cho bị cáo D số tiền còn thừa để bồi thường, khắc phục thiệt hại cho bị hại; ông không yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn cho ông số tiền 10.050.000 đồng này. Ông đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện K tham gia phiên tòa luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D từ 16 tháng đến 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/08/2021; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo D.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc S từ 08 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/08/2021; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo S.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại là anh Nguyễn Văn C số tiền 18.000.000 đồng. Phân chia nghĩa vụ, bị cáo Nguyễn Ngọc D phải bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn C số tiền 9.000.000 đồng, bị cáo Trịnh Ngọc S phải bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn C số tiền 9.000.000 đồng, được trừ vào số tiền ông Quyết đã nộp tại cơ quan thi hành án, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải tiếp tục bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn C số tiền 7.950.000 đồng.

Bị hại là ông Vương Tiến N, anh Nguyễn Minh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Huy V, ông Bùi Văn Thoảng và ông Trịnh Ngọc Quyết không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự của các bị cáo nên không xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Cơ quan điều tra Công an huyện K đã xử lý các vật chứng theo thẩm quyền, nay không có tranh chấp nên không xét.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, người bào chữa, các bị cáo không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở N dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện K và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị hại là anh Nguyễn Văn C, ông Vương Tiến N,

anh Nguyễn Minh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Huy V và ông Bùi Văn Thoảng vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của anh C, ông N, anh M, ông V và ông Thoảng không gây trở ngại cho việc xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C, ông N, anh M, ông V và ông Thoảng.

[3] *Về hành vi phạm tội và tội danh*:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 07/4/2021 tại Nhà văn hóa thôn F, T, K, Hà N, các bị cáo D và S có hành vi trộm cắp 01 máy đầm cóc nhãn hiệu Makita, có tay cầm và phần thân máy màu xám bạc, phần cổ máy màu vàng, đã qua sử dụng có giá trị: 18.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn C. Khoảng 08 giờ ngày 31/07/2021, tại thôn F, T, K, Hà N, các bị cáo D và S có hành vi trộm cắp 01 máy phay đất loại máy cầm tay, nhãn hiệu MITSUBISHI MM25, màu trắng đỏ đen, đã qua sử dụng có giá trị 5.000.000 đồng của anh Vương Tiến N. Khoảng 19 giờ ngày 06/08/2021, tại thôn F, T, K, Hà N. các bị cáo D và S có hành vi trộm cắp 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu Honda GX31, màu đỏ đen, phần lưỡi cắt bị gãy, đã qua sử dụng, có giá trị: 2.100.000 đồng của anh Nguyễn Minh M. Tổng giá trị tài sản các bị cáo Nguyễn Ngọc D và Trịnh Ngọc S đã chiếm đoạt là 25.100.000 (Hai mươi lăm triệu một trăm nghìn) đồng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*"; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo*:

[4.1] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo

nhận thức được tác hại và hậu quả gây ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi cá nhân.

[4.2] *Về đồng phạm*: Đây là một vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn do hai bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, trong đó: Nguyễn Ngọc D là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tích cực; Trịnh Ngọc S là người thực hành tích cực. Nên các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình đã gây ra và cùng phải chịu một chế tài do điều luật đó quy định, song về nguyên tắc mỗi người đồng phạm phải chịu trách nhiệm độc lập về việc cùng thực hiện hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự liên quan đến bị cáo nào thì áp dụng đối với riêng bị cáo đó.

[4.3] *Về nhân thân các bị cáo*:

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4.4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi trộm cắp tài sản, các bị cáo đã ra đầu thú, tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo S đã tác động đến gia đình tự nguyện nộp tiền vào vào Cơ quan thi hành án để bồi thường thiệt hại cho bị hại trong vụ án. Như vậy, bị cáo D có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo S có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*:

Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đảm bảo việc răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện K tại phiên toà là phù hợp.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên toà thể hiện: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Cơ quan điều tra Công an huyện K đã trao trả chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, BKS 29N1-590.46 màu cam cho chị Nguyễn Thị Hằng; trả chiếc máy phay đất cho anh Vương Tiến N và chiếc máy cắt cỏ cho anh Nguyễn Minh M, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền 2.100.000 đồng ông Thoảng đã trả cho ông V để mua chiếc máy phay đất mà các bị cáo trộm cắp của ông N; ông V đã giao lại số tiền trên cho các bị cáo và các bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết. Nay ông Thoảng không yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền nói trên nên Hội đồng xét xử cũng không buộc mỗi bị cáo phải truy nộp số tiền 1.050.000 đồng có được từ việc bán chiếc máy phay đất do trộm cắp mà có theo tinh thần hướng dẫn tại mục 3 Công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân tối cao.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*:

Bị hại là anh Nguyễn Văn C yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt là 18.000.000 đồng. Theo quy định tại các Điều 275, 288, 290, 584, 585, 586, và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D và Trịnh Ngọc S phải liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 18.000.000 đồng cho người bị hại là anh C. Phân chia nghĩa vụ; bị cáo Nguyễn Ngọc D phải bồi thường cho anh C số tiền là 9.000.000 đồng; bị cáo Trịnh Ngọc S phải bồi thường cho anh C số tiền là 9.000.000 đồng.

Xác nhận ông Trịnh Ngọc Quyết là bố đẻ bị cáo S đã nộp số tiền 10.050.000 đồng vào Cơ quan Thi hành án để thay bị cáo S bồi thường, khắc phục thiệt hại cho bị hại. Sau khi thực hiện xong phần nghĩa vụ phải bồi thường của bị cáo S là 9.000.000 đồng thì ông Quyết cho bị cáo D số tiền còn lại là 1.050.000 đồng để bồi thường, khắc phục thiệt hại cho bị hại.

Số tiền 9.000.000 đồng mà bị cáo S phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn C được trừ vào số tiền 10.050.000 đồng mà ông Trịnh Ngọc Quyết đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0054911 ngày 19/10/2021.

Số tiền 9.000.000 đồng mà bị cáo D phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn C được trừ vào số tiền 1.050.000 đồng (số tiền này nằm trong số tiền 10.050.000 đồng mà ông Trịnh Ngọc Quyết đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0054911 ngày 19/10/2021). Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải bồi thường tiếp cho anh C số tiền là 7.950.000 đồng.

Người bị hại là ông Vương Tiến N, anh Nguyễn Minh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Huy V, ông Bùi Văn Thoảng, và

ông Trịnh Ngọc Quyết không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Ngọc D và Trịnh Ngọc S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10] *Về các N dung khác*:

Đối với anh Nguyễn Huy V là người bán hộ D và S chiếc máy phay đất cho anh Bùi Văn Thoảng; anh V và anh Thoảng không biết tài sản trên do D và S trộm cắp được mà có, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối bà Trần Thị Diệp không biết D và S cất giấu chiếc máy đầm cóc trong nhà, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc D và Trịnh Ngọc S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. *Về hình phạt*:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/08/2021.

2.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D.

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc S 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/08/2021.

2.4. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo S.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Cơ quan điều tra Công an huyện K đã xử lý các vật chứng theo thẩm quyền, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng các Điều 275, 288, 290, 584, 585, 586, và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D và Trịnh Ngọc S phải liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 18.000.000 đồng cho

người bị hại là anh C. Phân chia nghĩa vụ, bị cáo Nguyễn Ngọc D phải bồi thường cho anh C số tiền là 9.000.000 đồng, bị cáo Trịnh Ngọc S phải bồi thường cho anh C số tiền là 9.000.000 đồng.

Số tiền 9.000.000 đồng mà bị cáo S phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn C được trừ vào số tiền 10.050.000 đồng mà ông Trịnh Ngọc Quyết đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0054911 ngày 19/10/2021.

Số tiền 9.000.000 đồng mà bị cáo D phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn C được trừ vào số tiền 1.050.000 đồng (số tiền này nằm trong số tiền 10.050.000 đồng mà ông Trịnh Ngọc Quyết đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0054911 ngày 19/10/2021). Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D phải bồi thường tiếp cho anh Nguyễn Văn C số tiền là 7.950.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn xin thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Người bị hại là ông Vương Tiến N, anh Nguyễn Minh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Huy V, ông Bùi Văn Thoảng, và ông Trịnh Ngọc Quyết không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét; nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo,

Bị cáo Nguyễn Ngọc D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trịnh Ngọc S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là anh Nguyễn Văn C, ông Vương Tiến N, anh Nguyễn Minh M vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống S bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Ngọc Quyết có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Huy V và ông Bùi Văn Thoảng vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống S bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà N;
- VKSND thành phố Hà N;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Trọng